TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25/9/2024
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu; ông Hồ Quang Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam - Thư ký viên của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Hồng Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 63/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2024, về: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

*/ Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 4, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông (Có mặt)

*/ Bị đơn: Anh Trần Đình D, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 4, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 15/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Trần Đình D tự nguyện kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống chị Trần Thị N và anh Trần Đình D phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh chị không hợp, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, chị Trần Thị N không còn tình cảm vợ chồng với anh Trần Đình D. Chị Trần Thị N không thể

sống chung với anh Trần Đình D được nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Nô giải quyết cho anh chị ly hôn.

- Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Trần Đình D có 02 con chung là Trần Đình Đ, sinh ngày 13/10/2010 và Trần Duy H, sinh ngày 18/9/2013. Do 02 con muốn ở cùng anh Trần Đình D nên chị Trần Thị N đồng ý giao 02 con cho anh Trần Đình D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Đình D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đình D và chị Trần Thị N tự nguyện kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn anh chị có mâu thuẫn nhưng chưa trầm trọng nên anh Trần Đình D không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị N.

- Về con chung: Anh Trần Đình D và chị Trần Thị N có 02 con chung là Trần Đình Đ, sinh ngày 13/10/2010 và Trần Duy H, sinh ngày 18/9/2013. Anh Trần Đình D không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**/ Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng anh Trần Đình D và chị Trần Thị N chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N, chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trần Đình D; về con chung: Giao các cháu Trần Đình Đ, sinh ngày 13/10/2010 và Trần Duy H, sinh ngày 18/9/2013 cho anh Trần Đình D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung; nợ chung các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về pháp luật tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị N yêu cầu ly hôn với anh Trần Đình D, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (ly hôn, tranh chấp về nuôi con) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Trần Đình D có nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh Trần Đình D: Có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Trần Đình D kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, việc kết hôn của anh chị trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N, xét thấy sau khi kết hôn vợ chồng chị Trần Thị N và anh Trần Đình D xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Chị Trần Thị N không còn tình cảm với anh Trần Đình D, vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẽ với nhau những công việc gia đình và cùng nhau nuôi con chung trưởng thành. Hiện nay, quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo nội dung biên bản xác minh tại nơi chị Trần Thị N và anh Trần Đình D sinh sống thì chính quyền không nắm được vợ chồng chị Trần Thị N và anh Trần Đình D có mâu thuẫn hay không. Do đó, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Trần Thị N.

- Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thừa nhận có 02 con chung là Trần Đình Đ, sinh ngày 13/10/2010 và Trần Duy H, sinh ngày 18/9/2013 và cũng là nguyện vọng của hai cháu muốn sống cùng với anh Trần Đình D và chị Trần Thị N đồng ý giao 02 con cho anh Trần Đình D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao các cháu Trần Đình Đ, sinh ngày 13/10/2010 và Trần Duy H, sinh ngày 18/9/2013 cho anh Trần Đình D trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn anh Trần Đình D.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Đình Đ, sinh ngày 13/10/2010 và Trần Duy H, sinh ngày 18/9/2013 cho anh Trần Đình D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 và Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình.

4. Về tài sản chung, nơ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 600.000 đồng *(Sáu trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008028 ngày 15/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị N số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa

được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đựơc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND thị trấn M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh